TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2021/HNGĐ-ST
Ngày 20-8-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lương Thị Kim Dung

Bà Nguyễn Thị Luyến

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân thân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Hà Văn Dỏn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 121/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2021 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 201/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị A, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Xã QT, huyện AL, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

Bị đơn: Anh Cao Thanh B, sinh năm 1993; ĐKHKTT: Xã TT, huyện AL, thành phố Hải Phòng, hiện đang cư trú tại Nhật Bản; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai, nguyên đơn là chị Trịnh Thị A trình bày:

Chị và anh Cao Thanh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Xã QT, huyện AL, thành phố Hải Phòng vào ngày 02/7/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng

chung sống với nhau tại nhà bố mẹ chồng Xã TT, huyện AL, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 2018, anh Phong phải đi lao động tại Nhật Bản. Khi đó, con chung của anh chị mới được 10 tháng tuổi, chị phải nuôi con một mình nên đã về nhà bố mẹ đẻ ở tại Xã QT, huyện AL, thành phố Hải Phòng. Do khoảng cách địa lý xa xôi, vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn do không có chung tiếng nói, anh Phong ở xa nên ít có thời gian dành cho vợ con, không còn quan tâm gia đình như trước. Chị Thanh nhận thấy tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, đến tháng 3 năm 2020 mâu thuẫn lên đến đỉnh điểm, hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng không thể tiếp tục kéo dài tình trạng hôn nhân. Nay vợ chồng anh chị mỗi người một nơi, tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Thanh yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Cao Thanh B.

Về con chung: Chị và anh Phong có một con chung là cháu Cao Tuệ C, sinh ngày 11/10/2017, hiện cháu đang ở với chị Thanh. Ly hôn, chị Thanh yêu cầu Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị và anh Phong tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin ly hôn của anh Cao Thanh B gửi cho Tòa án, bị đơn anh Cao Thanh B trình bày như sau:

Anh và chị Trịnh Thị A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Xã QT, huyện AL, thành phố Hải Phòng vào ngày 02/7/2015. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại nhà bố mẹ anh Phong tại Xã TT, huyện AL, thành phố Hải Phòng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2018, anh Phong phải đi lao động tại Nhật Bản. Do khoảng cách xa xôi, vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng ở xa nên không có thời gian quan tâm nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã. Dần dần, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, đến tháng 3 năm 2020 mâu thuẫn lên đến đỉnh điểm, hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng không thể tiếp tục kéo dài tình trạng hôn nhân. Hiện nay, vợ chồng mỗi người một nơi, tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên đã đi đến quyết định ly hôn. Do vậy, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh Phong và chị Thanh được ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Thanh có một con chung là cháu Cao Tuệ C, sinh ngày 11/10/2017, hiện cháu đang ở với chị Thanh. Ly hôn, anh yêu cầu Tòa án giao con chung cho chị Thanh trực tiếp nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Anh và chị Thanh tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Phong không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị Trịnh Thị A và anh Cao Thanh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Xã QT, huyện AL, thành phố Hải Phòng vào ngày 02/7/2015 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng, nay mỗi người ở một nơi, cả hai anh chị đều đồng ý ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị Trịnh Thị A và anh Cao Thanh B. Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung tên Cao Tuệ C, sinh ngày 11/10/2017 cho chị Trịnh Thị A trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chung anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết. Về tài sản chung: Chị Thanh và anh Phong không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về việc ly hôn. Bị đơn anh Cao Thanh B hiện đang sinh sống tại Nhật Bản, nguyên đơn chị Trịnh Thị A sinh sống tại Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn là chị Trịnh Thị A, bị đơn là anh Cao Thanh B vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt chị Trịnh Thị A, anh Cao Thanh B theo khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện: Chị Trịnh Thị A và anh Cao Thanh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Xã QT, huyện AL, thành phố Hải Phòng vào ngày 02/7/2015. Theo Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Cả hai anh chị cùng trình bày trong quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu. Đến năm 2018, anh Phong đi lao động tại Nhật Bản thì vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn do khoảng cách xa xôi, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn tiếng nói chung. Vợ chồng ở xa nên không có thời gian quan tâm nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã. Đến tháng 3 năm 2020 mâu thuẫn lên đến

đỉnh điểm, hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng không thể tiếp tục kéo dài tình trạng hôn nhân. Nay cả hai anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên quyết định ly hôn, cùng yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn của chị Thanh và anh Phong là tự nguyện, hai anh chị đều xác định hai bên có nhiều mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ. Căn cứ vào Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trịnh Thị A và anh Cao Thanh B.

[4] Về con chung: Chị Trịnh Thị A và anh Cao Thanh B có 01 con chung tên là Cao Tuệ C, sinh ngày 11/10/2017, hiện cháu đang ở với chị Thanh. Ly hôn, chị Thanh và anh Phong cùng đề nghị Toà án giao con cho chị Thanh nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con vợ chồng anh tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết. Xét thấy việc giao con chung cho chị Thanh trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của chị Thanh và anh Phong về việc giao con chung cho chị Thanh chăm sóc, nuôi dưỡng.

[5] Về tài sản chung: Chị Trịnh Thị A và anh Cao Thanh B không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trịnh Thị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Trịnh Thị A và anh Cao Thanh B được quyền kháng cáo bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị A và anh Cao Thanh B được ly hôn với nhau.

2. Về con chung: Giao con chung tên Cao Tuệ C, sinh ngày 11/10/2017 cho chị Trịnh Thị A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Trịnh Thị A và anh Cao Thanh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Trịnh Thị A phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0019899 ngày 26 tháng 7 năm 2021 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Trịnh Thị A đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Trịnh Thị A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ.

Anh Cao Thanh B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND Xã QT, huyện AL, TP Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Hồ Điệp